

**CÔNG TY TNHH TMDV ĐT KHẢI TUẦN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV ĐT KHẢI TUẦN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHAI TUAN TMDV ĐT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHAI TUAN TMDV DT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502510144

**3. Ngày thành lập:** 06/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 14, ấp Phú Thạnh, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0986397165

Fax:

Email: [dtkhaituan@gmail.com](mailto:dtkhaituan@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí ngoại thất; Trang trí nội thất                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán nông sản                                                                                                                                                                        | 4620        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành dầu khí và các ngành công nghiệp, xây dựng                                                                                                                                     | 4659(Chính) |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác; Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý                                                                                                                    | 4662        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế.                                                                                               | 4663        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                           | 4669        |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                         | 4931        |
| 8.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo xích, máy đào đất, giàn giáo di động, thiết bị đốn gỗ, cần cẩu trong xây dựng; | 7730        |
| 9.  | Thoát nước và xử lý nước thải<br>Chi tiết: Thoát nước, xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                      | 3700        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Thu gom rác thải không độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải; Thu gom rác thải không độc hại;<br>Thu gom rác thải độc hại; Thu gom rác thải y tế; Thu gom rác<br>thải độc hại khác (Chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện<br>theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                                   | 3811 |
| 11. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(Địa điểm xử lý và tiêu huỷ phải phù hợp với quy hoạch của<br>vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện<br>theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                                                                                         | 3821 |
| 12. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>Chi tiết: Xử lý và tiêu huỷ rác thải y tế; Xử lý và tiêu huỷ rác<br>thải độc hại khác (Địa điểm xử lý và tiêu huỷ phải phù hợp với<br>quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động<br>khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                         | 3822 |
| 13. | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại, tái chế phế liệu phi kim loại<br>(Địa điểm tái chế phải phù hợp với hoạch của vùng, địa<br>phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy<br>định của Luật Bảo vệ môi trường)                                                                         | 3830 |
| 14. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3900 |
| 15. | Xây dựng nhà ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101 |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                      | 4212 |
| 17. | Xây dựng công trình điện<br>Chi tiết: Xây dựng công trình điện đến 35KV                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221 |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                     | 4299 |
| 19. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng và các thiết bị lắp đặt trong<br>xây dựng, mua bán gỗ rừng trồng, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ<br>chế; Mua bán sơn, gương, kính, vécni, giấy dán tường và phủ<br>sàn; đồ ngũ kim; | 4752 |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn<br>trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                              | 4753 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040086077825

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tư Xã Hội*

Địa chỉ liên lạc: 7.20 K-B, KP4, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 01/05/1986      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040086077825

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tư Xã Hội

Địa chỉ liên lạc: 7.20 K-B, KP4, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu